

Bản án số: 53/2019/HS-ST
Ngày 24/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Biều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân T1 và ông Lê Văn Nguyên

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thủy Quyên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:
Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2019/HSST ngày 24 tháng 4 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quang T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Minh T(đã chết) và bà Phạm Thị D; có vợ là Nguyễn Thị H; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

2. Nguyễn Văn K, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông Nguyễn Văn V và bà Đào Thị T; có vợ là Nguyễn Thị P; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2012; tiền sự: không; Tiền án: Ngày 13/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm về tội Buôn bán hàng cấm; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/02/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Hưng Yên. (có mặt).

3. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Nguyễn Văn M và bà Phạm Thị C; có vợ là Phạm Thị T; có 02 con, con lớn sinh năm 2016,

con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 09/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại. (có mặt).

4. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và con bà Đào Thị C (tại phiên tòa bị cáo khai họ tên mẹ là Đào Thị T); có vợ là Nguyễn Thị N; có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Chưa; bị tạm giữ từ ngày 09/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt).

5. Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Nguyễn Minh T (đã chết) và con bà Phạm Thị D; có chồng là Đoàn Trung D (đã ly hôn); có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 09/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại. (có mặt).

6. Nguyễn Văn T3, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T và bà Đào Thị C (tại phiên tòa bị cáo khai họ tên mẹ là Đào Thị T); có vợ là Đỗ Thị H; có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Chưa; bị tạm giữ từ ngày 09/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại. (có mặt).

7. Nguyễn Văn N, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn E, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Xuân T và bà Phạm Thị C; có vợ là Nguyễn Thị Q; có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 09/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại. (có mặt).

8. Đinh Văn L, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn E, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Đinh Văn N và con bà Trần Thị H; có vợ là Phạm Thị T; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 09/02/2019 đến ngày 15/02/2019 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo hiện đang tại ngoại. (có mặt).

9. Nguyễn Văn R, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện I, tỉnh Thái Bình; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn T

và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Đào Thị N; có 01 con sinh năm 2014 (tại phiên tòa bị cáo khai có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh tháng 4 năm 2019); tiền án, tiền sự: Chưa; Bị cáo hiện đang tại ngoại, được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang T: Bà Nguyễn Thu H - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 09/02/2019, Nguyễn Văn T1, sinh năm 1986, Dương Văn L, sinh năm 1989, đều ở thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên và Nguyễn Văn R, sinh năm 1987 ở thôn G, xã H, huyện I, tỉnh Thái Bình đến nhà Nguyễn Quang T, sinh năm 1978 ở thôn A, xã B, huyện C chơi. Sau đó T rủ mọi người tham gia đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh liêng, tất cả đồng ý. T đi mua 04 bộ bài tú lơ khơ về rồi lấy 01 bộ bài và trải 02 chiếc chiếu xuống nền nhà phòng khách rồi cùng mọi người tham gia đánh bạc. Lúc này có Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1980, HKTT thôn D, thị trấn C, huyện C, Nguyễn Văn T2, sinh năm 1986, ở ở thôn A, xã B, huyện C cũng đến nhà T chơi nhưng chưa đánh bạc mà chỉ ngồi xem. T, T1, Dương Văn L, R đánh bạc được mấy phút thì có Dương Văn P, sinh năm 1987 ở thôn A đến cùng tham gia đánh bạc. Khi đánh bạc không ai phải nộp tiền hồ cho T. Hình thức đánh bạc được các đối tượng quy định như sau: Người chia bài dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia cho mỗi người 03 quân bài, mỗi ván người chơi phải đặt số tiền 20.000 đồng, người chia bài được quyền tố trước, nếu không tố thì úp bài vào nọc, quyền tố thuộc về người chơi phía bên tay phải, nếu không ai tố thì người chơi ngồi bên phía tay trái người chia bài thắng bạc được thu số tiền mà các người chơi đã đặt ván đó; khi có người tố thì quy định mức tố thấp nhất là 20.000 đồng, cao nhất là 100.000 đồng, mỗi người chơi chỉ được tố một lần trên 1 ván, nếu theo tố hoặc tố thêm thì phải bỏ ra số tiền tố xuống chiếu, nếu ai không theo tố thì úp bài vào nọc, người chơi còn lại (theo tố) lật 03 quân bài được chia để xác định thắng thua, người thắng bạc là người có 03 quân bài theo thứ tự cao nhất là sấp, rồi đến liêng, ảnh, điểm. Sấp là bộ ba lá bài cùng số; liêng là ba lá bài liên tiếp nhau; ảnh là cả ba lá bài đều là Tây (hình người). Người thắng bạc được thu tiền của tất cả người chơi thua và được chia bài ván tiếp theo.

Khi chơi đến khoảng 20 giờ 15 phút cùng ngày Dương Văn P bị thua hết tiền, đứng dậy đi về. Sau khi Dương Văn P về thì H vào đánh bạc thay chân Dương Văn P rồi đến T2 vào tham gia đánh bạc cùng. Một lúc sau Nguyễn Văn T3, sinh năm 1981 ở thôn A đến nhà T cùng tham gia đánh bạc. Một lúc sau, R và Dương Văn L nghỉ không đánh bạc nữa ra về thì Nguyễn Văn N, sinh năm 1978, Đinh Văn L, sinh năm 1976 đều ở thôn E, xã B, huyện C và Nguyễn Văn K, sinh năm 1986 ở thôn A, xã B, đến nhà T cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên phối hợp với Công an huyện C bắt quả tang, thu giữ các vật chứng gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ

52 quân; 01 chiếc cối đôi; 01 chiếc nhựa đôi; Thu dưới chiếu bạc số tiền: 2.180.000 đồng; Thu trên người các đối tượng có mặt tại đám bạc số tiền: 7.240.000 đồng gồm (T 1.100.000 đồng, K 1.350.000 đồng, H 1.620.000 đồng, Nguyễn Văn T3 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn N 640.000 đồng, Đinh Văn L 1.530.000 đồng); 06 điện thoại di động các loại.

Khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Nguyễn Quang T, thu giữ 03 bộ bài tú lơ khơ, số tiền 1.520.000 đồng trong túi áo khoác của Nguyễn Văn T2, 01 xe mô tô BKS 89F4-8508 của Nguyễn Văn N.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai nhận sử dụng số tiền để đánh bạc như sau: Nguyễn Quang T sử dụng 1.050.000 đồng; Nguyễn Văn K sử dụng 1.500.000 đồng; Nguyễn Văn T1 sử dụng 300.000 đồng; Nguyễn Văn R sử dụng 650.000 đồng đánh bạc hòa tiền và giao nộp số tiền 650.000 đồng cho Cơ quan CSĐT; Nguyễn Thị Mai H sử dụng 1.000.000 đồng; Nguyễn Văn T2 sử dụng 2.000.000 đồng; Nguyễn Văn T3 sử dụng 1.080.000 đồng; Nguyễn Văn N sử dụng 800.000 đồng; Đinh Văn L sử dụng 1.000.000 đồng; Dương Văn P sử dụng 60.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, tại thời điểm T, Dương Văn L, R, T1 và Dương Văn P tham gia đánh bạc có tổng số tiền 2.060.000 đồng gồm: T 1.050.000 đồng, T1 300.000 đồng, R 650.000 đồng, Dương Văn P 60.000 đồng; Còn Dương Văn L bỏ trốn nên chưa xác định được số tiền đánh bạc. Sau khi Dương Văn P về thì T2, H, T3 vào tham gia đánh bạc, thời điểm này tổng số tiền đánh bạc là 6.140.000 đồng gồm: H 1.000.000 đồng, T2 2.000.000, T3 1.080.000 đồng, T 1.050.000 đồng, T1 300.000 đồng, R 650.000 đồng (gồm cả 60.000 đồng Dương Văn P thua bạc và ra về). Thời điểm Dương Văn L và R về thì Nguyễn Văn N, Đinh Văn L và K đến tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 10.940.000 đồng gồm: Thu dưới chiếu bạc số tiền 2.180.000 đồng; T 1.050.000 đồng, K 1.350.000 đồng, H 1.620.000 đồng, Nguyễn Văn T3 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn N 640.000 đồng, Đinh Văn L 1.530.000 đồng; T2 1.520.000 đồng

Đối với 06 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc xe mô tô không liên quan đến việc đánh bạc, Cơ quan điều tra đã trả lại cho: Anh Đinh Văn Hồng 01 xe mô tô; chị Nguyễn Thị P 01 điện thoại; Nguyễn Văn T3 01 điện thoại; Nguyễn Văn N 01 điện thoại, Nguyễn Quang T 01 điện thoại; Nguyễn Văn T1 01 điện thoại và Nguyễn Văn T2 01 điện thoại.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS-P2 ngày 22/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L và Nguyễn Văn R về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L và Nguyễn Văn R đều nhận tội, khai báo thành khẩn hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên truy tố; đồng thời đều đề

ngợi Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cải tạo tại địa pH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về hành vi phạm tội theo nội dung bản cáo trạng; đồng thời phân tích, đánh giá chứng cứ chứng minh tội phạm, vai trò trách nhiệm và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của mỗi bị cáo, đề nghị Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L và Nguyễn Văn R phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Văn K từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù. Buộc bị cáo phải chấp hành 01 năm 06 tháng tù của Bản án số 06/2018/HS-ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 06 tháng đến 02 năm 09 tháng tù; trừ 03 ngày bị tạm giữ của Bản án số 06/2018/HS-ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, bị cáo còn phải chấp hành từ 02 năm 05 tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù đến 02 năm 08 tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 02 năm 2019.

Áp dụng: khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L, Nguyễn Văn R.

Xử phạt: Nguyễn Quang T từ 09 tháng tù đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L, Nguyễn Văn R mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo được hưởng án treo cho chính quyền địa pH nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách

Về hình phạt bổ sung: Trừ bị cáo T, 08 bị cáo còn lại phạt mỗi bị cáo 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 11.590.000đ.

Tịch thu cho tiêu hủy 04 bộ bài tú lơ khơ; 02 chiếc.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quang T có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bài bào chữa cho bị cáo có quan điểm, nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với nhau, đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản khám xét; vật chứng thu giữ gồm: Quân bài, chiếu cối, chiếu nhựa và số tiền thu giữ tại chiếu bạc, số tiền thu trên người các bị cáo, số tiền thu giữ khi khám xét, cũng như số tiền do bị cáo R giao nộp mà các bị cáo thừa nhận đã và sẽ sử dụng để đánh bạc; phù hợp với lời khai của những người chứng kiến là bà Nguyễn Thị Hiền và ông Nguyễn Văn Mạnh chứng kiến khi các bị cáo bị bắt quả tang và khám xét. Đã có đủ cơ sở xác định: Với động cơ, mục đích vụ lợi, trong khoảng thời gian từ 20 giờ đến 22 giờ ngày 09/02/2019 tại nhà của Nguyễn Quang T ở thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên: Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L, Dương Văn L và Nguyễn Văn R đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng với tổng số tiền là 11.590.000 đồng thì bị bắt quả tang, trong đó Dương Văn L đã bỏ trốn, đang bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên truy nã và quyết định tách vụ án để xử lý sau.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 11.590.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại Điều 321 Bộ luật hình sự, số tiền đánh bạc của các bị cáo trên 5.000.000 đồng nhưng dưới 50.000.000 đồng, nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L và Nguyễn Văn R về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, vai trò hành vi phạm tội của các bị cáo; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân người phạm tội:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội, sự bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân tại địa phương, là một trong các nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại

tội phạm khác, gây thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến cuộc sống, hạnh phúc của nhiều gia đình. Vì vậy, cần phải xét xử nghiêm minh, dành cho mỗi bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, để cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Đánh giá vai trò và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, thì thấy:

Bị cáo Nguyễn Quang T là người thực hiện hành vi phạm tội tích cực là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ để bị cáo và các bị cáo khác cùng tham gia đánh bạc, nên có vai trò chính. T3 nhiên, xét thấy bị cáo nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; phạm tội lần đầu và thuộc T1 hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có bố, mẹ đẻ được tặng Huân, Huy chương kháng chiến, là con đẻ bị ảnh hưởng của người bị nhiễm chất độc hóa học khi tham gia kháng chiến, bị cáo thuộc hộ nghèo, bản thân bị di chứng mô sọ não liệt ½ người, mất 100% khả năng lao động, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý cho bị cáo Nguyễn Quang T đề nghị áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn K là đồng phạm tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác, mặc dù có vai trò thấp hơn bị cáo T, nhưng bị cáo có tiền án, ngày 13/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm về tội Buôn bán hàng cấm, trong thời gian thử thách bị cáo Nguyễn Văn K lại tiếp tục phạm tội mới, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, do đó phải xử lý nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Đồng thời, buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chấp hành hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HS-ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi và tổng hợp với hình phạt tù của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự để buộc bị cáo phải chịu hình phạt chung của hai bản án. T3 nhiên, Hội đồng xét xử cũng xét, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bà nội được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến, gia đình bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được chính quyền địa phương xác nhận, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Các bị cáo Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L và Nguyễn Văn R đều là những đồng phạm giản đơn, giữ vai trò như nhau trong vụ án, nhưng khi lượng hình Hội đồng xét xử sẽ xem xét số tiền của mỗi bị cáo dùng vào việc đánh bạc để ấn định mức hình phạt. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; phạm tội lần đầu và thuộc T1 hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, bị cáo H có bố, mẹ đẻ và bị cáo N, bị cáo L có bố đẻ được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến; bị cáo T2 và bị cáo T3 có bà nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; các bị cáo đều có đơn xin được cải tạo tại địa phương, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền các bị cáo dùng vào đánh bạc không lớn nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự, dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình, chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú cũng đủ tác dụng để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lời bất chính, lẽ ra phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; T3 nhiên, xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với các bị cáo.

[5]. Đối với Dương Văn L hiện đang bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hưng Yên đã ra Quyết định truy nã và Quyết định tách vụ án để xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Đối với Dương Văn P xác định tại thời điểm Dương Văn P tham gia đánh bạc có 05 người gồm: T, T1, Dương Văn L, R và Dương Văn P. Trong đó T có 1.050.000 đồng, T1 có 300.000 đồng, R có 650.000 đồng, Dương Văn P có 60.000 đồng. Tổng số tiền sử dụng để đánh bạc thời điểm này là 2.060.000 đồng. Do Dương Văn L bỏ trốn nên chưa xác định được số tiền Dương Văn L sử dụng để đánh bạc, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 11.590.000đ thu giữ tại chiếu bạc và trên người các bị cáo, xác định liên quan đến hành vi đánh bạc nên cần tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân từ A đến K đã qua sử dụng; 03 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng; 01 chiếu cói đôi; 01 chiếu nhựa. Xác định, là những vật liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo và không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu, cho tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Về tội danh, hình phạt:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L, Nguyễn Văn R phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 56; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn K 01 (một) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù theo Quyết định của Bản án số 06/2018/HS-ST ngày 13/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ 03 ngày bị tạm giữ của Bản án số 06/2018/HS-ST ngày 13/3/2018, bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) năm 05 (năm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 02 năm 2019.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L, Nguyễn Văn R.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Quang T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn T2 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn T3 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thị Mai H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Đinh Văn L 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn T1 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn R 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Mai H cho UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn R cho UBND xã H, huyện I, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong T1 hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

*** Hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

2- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 11.590.000đ (*mười một triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*). Số tiền trên đang gửi tại kho bạc Nhà nước tỉnh Hưng Yên.

- Tịch thu cho tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân từ A đến K đã qua sử dụng; 03 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng; 01 chiếu cói đôi đã qua sử dụng; 01 chiếu nhựa đã qua sử dụng.

(Số lượng, chủng loại, đặc điểm, tình trạng vật chứng theo quyết định chuyển vật chứng số 17/QĐ-KSV-P2 ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên).

3- Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Quang T, Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Mai H, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn N, Đinh Văn L, Nguyễn Văn R mỗi người phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 - TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Hưng Yên (PC01);
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Hưng Yên
- Phòng HSNV - CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Biểu

